

ST T	Tên môn học Tháng 5/2024	Số tín chỉ			Số tín chỉ			Số tín chỉ			GV biên soạn CTCT	Số CTCT cần biên soạn				Mã môn học		
		C/Nkhiệt			KTML ĐHKK			VHSC TBị lạnh				LĐ TBị lạnh			CB - C1	LT - C2	TC - T4	
		CB	LT	TC	CB	LT	TC	CB	LT	TC		CB	LT	TC				Tổng số
1	Nhiệt động kỹ thuật	3	2	2	3	2	2	3	2	2	T. Dũng	4	4	4	12	MHNL.C1.01	MHNL.C2.01	MHNL.X.75
2	Truyền nhiệt	2	3		2	3		2	3		T. Khoa	4	4	0	8	MHNL.C1.02	MHNL.C2.02	
3	Cơ sở kỹ thuật lạnh	3	2	2	3	2	2	3	2	2	T. Viết	4	4	4	12	MHNL.C1.03	MHNL.C2.03	MHNL.T4.03
4	Kỹ thuật điều hòa không khí	3	2	2	3	2	2	3	2	2	T. Hiệp	4	4	4	12	MHNL.C1.04	MHNL.C2.04	MHNL.T4.04
5	Máy và thiết bị lạnh	2		3	2		3	2		3	T. Khoa	4	0	4	8	MHNL.C1.07		MHNL.T4.08
6	Cơ sở kỹ thuật Điện	2		3	2		3	2		3	T. Hào	4	0	4	8	MHNL.C1.52		MHNL.T4.52
7	Trang bị điện hệ thống lạnh	2		3	2		3	2		3	T. Quý	4	0	4	8	MHNL.C1.09		MHNL.T4.10
8	TH điện lạnh cơ bản	3		4	3		4	3		4	T. Hào	4	0	4	8	MHNL.C1.53		MHNL.T4.53
9	TH tu lạnh dân dụng và thương mại	3		4	3		4	3		4	T. Quý	4	0	4	8	MHNL.C1.54		MHNL.T4.54
10	TH hệ thống ĐHKK dân dụng và thương mại	3	2	3	3	2	3	3	2	3	T. Hòa	4	4	4	12	MHNL.C1.55	MHNL.C2.55	MHNL.T4.55
11	TH hệ thống lạnh công nghiệp	3	2	2	3	2	2				T. Huân	2	2	2	6	MHNL.C1.56	MHNL.C2.56	MHNL.T4.56
12	TH vận hành và sửa chữa hệ thống lạnh công nghiệp							3	2	2	T. Huân	1	1	1	3	MHNL.C1.57	MHNL.C2.57	MHNL.T4.57
13	TH lắp đặt và vận hành hệ thống lạnh công nghiệp										T. Huân	1	1	1	3	MHNL.C1.58	MHNL.C2.58	MHNL.T4.58
14	TH hệ thống ĐHKK trung tâm	2	3		2	3					T. Thi	2	2	0	4	MHNL.C1.22	MHNL.C2.22	
15	TH vận hành và sửa chữa hệ thống ĐHKK trung tâm							2	3		T. Thi	1	1	0	2	MHNL.C1.59	MHNL.C2.59	
16	TH lắp đặt và vận hành hệ thống ĐHKK trung tâm										T. Thi	1	1	0	2	MHNL.C1.60	MHNL.C2.60	
17	TH trang bị điện hệ thống lạnh	2		3	2		3	2		3	T. Hòa	4	0	4	8	MHNL.C1.61		MHNL.T4.61
18	TH hệ thống nhiệt năng cao 1	2	2		2	2					T. Dũng	2	2	0	4	MHNL.C1.62	MHNL.C2.62	
19	TH hệ thống nhiệt năng cao 2											0	0	0	0			
20	Điều hòa không khí Ô tô	1	1		1	1		1	1		T. Thi	4	4	0	8	MHNL.C1.63	MHNL.C2.63	
21	TH hệ thống ĐHKK Ô tô	1	1		1	1		1	1		T. Thi	4	4	0	8	MHNL.C1.64	MHNL.C2.64	
22	Kỹ thuật sấy	2		3							T. Viết	1	0	1	2	MHNL.C1.11		MHNL.T4.11
23	Lò hơi	2	2								T. Hiệp	1	1	0	2	MHNL.C1.12	MHNL.C2.12	
24	Tính toán thiết bị trao đổi nhiệt	2		2			2			2	T. Khoa	2	0	4	6	MHNL.C1.32		MHNL.T4.32
25	Nhà máy nhiệt điện	2	2								T. Khoa	1	1	0	2	MHNL.C1.33	MHNL.C2.33	
26	CAD ứng dụng chuyên ngành	2	2		2	2	2	2	2		T. Dũng	4	3	2	9	MHNL.C1.13	MHNL.C2.13	MHNL.T4.65
27	Bơm , Quạt , Máy nén			2	2		2	2		2	T. Dũng	3	0	4	7	MHNL.C1.14	MHNL.C2.14	MHNL.T4.14
28	Chuyên đề máy lạnh				2	2			2	2	T. Hiệp	2	3	1	6	MHNL.C1.25	MHNL.C2.25	MHNL.T4.25
29	Thiết kế sơ bộ hệ thống điều hòa không khí	2	3		2	3		2			T. Viết	4	2	0	6	MHNL.C1.27	MHNL.C2.27	
30	Thiết kế kho lạnh						2			2	T. Khoa	3	1	0	4	MHNL.C1.26	MHNL.C2.26	
31	Thiết kế kho lạnh									3	T. Khoa	0	2	0	2		MHNL.C2.66	
32	Tự động hóa hệ thống lạnh			2	2			2	2		T. Huân	3	2	1	6	MHNL.C1.28	MHNL.C2.28	MHNL.T4.28
33	Tự động hóa hệ thống lạnh						3				T. Huân	0	0	1	1			MHNL.T4.67
34	Kỹ thuật lạnh thực phẩm				2	2		2	2	2	T. Thi	3	3	1	7	MHNL.C1.29	MHNL.C2.29	MHNL.T4.29
35	Thông gió và xử lý khí thải			2	2		2	2		2	T. Hiệp	3	1	3	7	MHNL.C1.30	MHNL.C2.30	MHNL.T4.30
36	Vận hành và bảo trì hệ thống lạnh		2		2			2		3	T. Huân	3	1	2	6	MHNL.C1.31	MHNL.C2.68	MHNL.T4.31
37	Tiết kiệm năng lượng trong hệ thống lạnh	2						2	2		T. Huân	3	2	0	5	MHNL.C1.34	MHNL.C2.69	
38	Công nghệ bơm nhiệt và ứng dụng	2			2						T. Dũng	2	0	0	2	MHNL.C1.35		
39	Năng lượng tái tạo										T. Viết	0	0	0	0			
40	Anh văn chuyên ngành	2			2			2			T. Viết	4	0	0	4	MHNL.C1.70	MHNL.C2.70	MHNL.T4.70
41	Đồ án cơ sở ngành	1	1	1	1	1	1	1	1	1	T. Viết	4	4	4	12	MHNL.C1.38	MHNL.C2.38	MHNL.T4.38
42	Đồ án chuyên ngành	1			1			1			T. Viết	4	0	0	4	MHNL.C1.39	MHNL.C2.39	MHNL.T4.39
43	Thực tập tốt nghiệp	6		6	6		6	6		6	T. Viết	4	0	4	8	MHNL.C1.40	MHNL.C2.40	MHNL.T4.40
44	Thực hành hệ thống thông gió											0	0	0	0			
45	Thực hành gia công đường ống											0	0	0	0			
46	Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả											0	0	0	0			
47	Trải nghiệm Doanh nghiệp 1 (8TC tích hợp 3*5LT+5*30TH=195)	x			x						T. Viết	2	0	0	2	MHNL.C1.71	MHNL.C2.71	MHNL.T4.71
48	Trải nghiệm Doanh nghiệp 2 (8TC tích hợp 3*5LT+5*30TH=195)	x			x						T. Viết	2	0	0	2	MHNL.C1.72	MHNL.C2.72	MHNL.T4.72
49	Trải nghiệm Doanh nghiệp 3 (8TC tích hợp 3*5LT+5*30TH=195)	x			x						T. Viết	2	0	0	2	MHNL.C1.73	MHNL.C2.73	MHNL.T4.73
50	Trải nghiệm Doanh nghiệp (8TC = 8*30=240)			x			x	x		x	T. Viết	2	0	4	6	MHNL.C1.74	MHNL.C2.74	MHNL.T4.74
51	Kỹ năng mềm	4		4	4		4	4		4								
Tổng số tín chỉ		69	32	53	69	32	53	69	32	53		69	32	53				
Tổng số môn học		30	16	19	30	16	19	30	16	19		30	16	19				

Hệ đào tạo		Ký hiệu
Cao đẳng chính quy (2 năm)		C1
Cao đẳng liên thông (1,5 năm)		C2
Cao đẳng chất lượng cao (2,5 năm)		C3
Trung cấp chính quy (2,5 năm)		T4
Trung cấp song hành với TTGDTCX (2 năm)		T3

Ký hiệu		Màu
Cao đẳng chính quy (2 năm)		
Cao đẳng liên thông (1,5 năm)		
Trung cấp chính quy (2,5 năm)		
Môn học tự chọn (bắt buộc học)		2
Môn học tự chọn (không học)		2